

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 159/2018/DS-PT

Ngày: 11/7/2018

V/v tranh chấp đòi lại tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Nước

Các Thẩm phán:

Ông Huỳnh Thanh Mỹ

Bà Nguyễn Thị Vĩnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trãi, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Lê Thành Biên, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 83/2018/TLPT-DS ngày 21 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp đòi lại tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS - ST ngày 10 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện TH bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 169/2018/QĐ – PT ngày 08/6/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 165/2018/QĐ-PT ngày 04/7/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị N, sinh năm 1953;

Địa chỉ: ấp R, xã T, huyện TH, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: 2.1. Bà Võ Thị H, sinh năm 1965;

2.2. Ông Lê Văn L, sinh năm 1969

Cùng địa chỉ: ấp 1, xã T, huyện TH, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người kháng cáo: Bà Lê Thị N là nguyên đơn trong vụ án.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lê Thị N trình bày: Vào ngày 25 tháng 6 năm 1998 (dl) bà Võ Thị H và ông Lê Văn L có vay của bà 20 chỉ vàng 24 Kara 9 tuổi 8 mục đích vay là để bà H ông L về mua đất và vì chỗ bà con thân tộc với nhau nên khi vay bà Không có làm giấy tờ, thời hạn vay là đến tháng 7 năm 1998 sau khi thu hoạch lúa xong sẽ trả, nhưng từ khi vay bà H ông L Không trả. Đến năm 2017 bà khởi kiện bà Bùi Thị K mẹ của bà H tại Tòa án TB về việc bà K thiếu bà 20 chỉ vàng 24 kara 9,8 tuổi vào ngày 25 tháng 6 năm 1998 (dl) và tại biên bản lấy lời khai của bà Bùi Thị K ngày 09 tháng 01 năm 2017 tại Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình bà Bùi Thị K là mẹ ruột bà H thừa nhận bà H có thiếu bà 02 cây vàng nhưng đã trả rồi và có bà H chứng kiến ký tên vào biên bản lấy lời khai nên nay bà căn cứ vào biên bản lấy lời khai 09 tháng 01 năm 2017 để khởi kiện ông Lê Văn L và bà Võ Thị H. Theo đơn khởi kiện thì bà N yêu cầu ông Lê Văn L và bà Võ Thị H trả cho bà 20 chỉ vàng 24 Kara 9,8 tuổi và tiền lãi quy đổi 20 chỉ vàng là $70.000.000 \text{ đồng} \times 0,7\% / \text{tháng} = 490.000 \text{ đồng} \times 233 \text{ tháng} = 114.170.000 \text{ đồng}$ và yêu cầu tiếp tục tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm. Nhưng tại phiên tòa bà N yêu cầu ông Lê Văn L và bà Võ Thị H phải trả cho bà 20 chỉ vàng 24 kara 9 tuổi 8 và tính lãi $1\% \times 73.000.000 \text{ đồng}$ (giá vàng 3.660.000 đồng/01 chỉ $\times$ 20 chỉ = 73.000.000 đồng) $\times 237,5 \text{ tháng} = 171.000.000 \text{ đồng}$.

Bị đơn bà Võ Thị H và ông Lê Văn L trình bày: Vào năm 1995 vợ chồng ông bà có vay của bà N 52 chỉ vàng 24 kra, trong đó 32 chỉ vàng 9,8 tuổi và 20 chỉ vàng 10 tuổi, ông bà đã trả cho bà N một phần chỉ còn thiếu lại 20 chỉ và 3.000.000 đồng tiền lãi. Đến năm 2001 bà N có khởi kiện ông bà ra Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng đến năm 2002 đã được Tòa án hai cấp xét xử buộc ông bà trả 10 chỉ 08 phân vàng vì lý do ông bà trả lãi quá nhiều nên trừ vào phần vàng gốc và hiện nay ông bà đã thi hành án xong, Ngoài ra ông bà Không hề vay bất cứ số vàng nào khác của bà N nên ông bà Không đồng ý theo yêu cầu của bà N.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 10 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị N về việc yêu cầu bà Võ Thị H và ông Lê Văn L trả 20 chỉ vàng 24 kara 9 tuổi 8.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu của bà Lê Thị N về việc yêu cầu ông Lê Văn L và bà Võ Thị H trả cho bà 171.000.000 đồng tiền lãi.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Do bà N thuộc trường hợp miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm do bà N người cao tuổi nên hoàn trả lại cho bà Lê Thị N 1.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số BN/2013 03765 ngày 09-11-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TH.

Bà Võ Thị H và ông Lê Văn L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về hướng dẫn thi hành bản án và thời hạn kháng cáo.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24/4/2018, bà Lê Thị N là nguyên đơn, kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 10/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện TH, yêu cầu bà Võ Thị H và ông Lê Văn L liên đới trả 20 chỉ vàng 24 kra 9,8 tuổi.

- Tại phiên tòa cấp phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Lê Thị N trình bày: các căn cứ để bà N yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu kháng cáo buộc bà H, ông L trả 20 chỉ vàng 24 kra vàng 9,8 tuổi gồm: Bản án dân sự phúc thẩm số 104/DSPT ngày 15/4/2002 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp về tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà với bà H và ông L; biên bản lấy lời khai bà Bùi Thị K là mẹ ruột của bà H ngày 09/01/2017 của Tòa án nhân dân huyện TB có bà H ký tên xác nhận và tờ xác nhận ngày 10/5/2000 của ông Võ Thành L là em ruột của bà H có vay của bà N 72 chỉ vàng để trả tiền mua đất cho ông Long vào năm 1997.

Bị đơn bà Võ Thị H, ông Lê Văn L cùng trình bày: Thống nhất lời trình bày nêu trên không bổ sung nên ông bà không đồng ý trả cho bà N 20 chỉ vàng 24 kra vàng 9,8 tuổi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng các quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Các chứng cứ nêu trên bà N đã cung cấp tại Tòa án cấp sơ thẩm, tại phiên tòa phúc thẩm bà N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bà nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà N, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 10/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện TH.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét việc bà Lê Thị N yêu cầu bà Võ Thị H và ông Lê Văn L liên đới trả 20 chỉ vàng 24 kra vàng 9,8 tuổi, Hội đồng xét xử xét thấy: các chứng cứ mà bà N đưa ra để làm căn cứ khởi kiện, trong đó có biên bản ghi lời khai của bà Bùi Thị K (mẹ của bà H) ngày 09 tháng 01 năm 2017 tại Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình theo đó bà K thừa nhận là bà H có vay của bà 20 chỉ vàng nhưng đã trả rồi và bà H cũng chứng kiến vào biên bản này. Nhưng các bị đơn là bà Võ Thị H và ông Lê Văn L không thừa nhận là có việc vay vàng này, chỉ thừa nhận có vay của bà N duy nhất một lần vào năm 1995 là 52 chỉ vàng trong đó 20 chỉ vàng 10 tuổi và 32 chỉ vàng 24 kara 9 tuổi 8 chỉ còn thiếu lại 20 chỉ vàng và 3.000.000 đồng tiền lãi. Nhưng số vàng và tiền này đã được Tòa án huyện Tân Hồng xét xử bằng bản án dân sự sơ thẩm số 16/DS- ST ngày 08-6-2001 và Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử bằng bản án dân sự phúc thẩm số 104/DS-PT ngày 15-4-2002 (BL từ số 36 đến 40) và ông L, bà H đã thi hành xong (BL số 19). Theo biên bản lấy lời khai vào ngày 09-01-2017 của bà Bùi Thị K tại Tòa án nhân dân huyện TB chỉ thể hiện việc bà K khai có việc trao đổi giữa bà với bà N với nội dung là “..con tôi tên H có thiếu bà N hai cây vàng nhưng đã trả rồi” (BL số 05); tại biên bản lấy lời khai ngày 11-01-2017 bà K trả lời câu hỏi với bà N trong đoạn ghi âm “nghe nói nó thiếu mấy 2 cây nhưng ra tòa án trả rồi” (BL số 51) và tại phiên tòa phúc thẩm bà N thừa nhận tờ xác nhận ngày 10/5/2000 của ông Võ Thành L là để bà cung cấp cho Tòa án nhân dân huyện TH trong vụ án mà bà đã kiện ông L, bà H vào năm 2000 như đã nêu trên. Điều này cho thấy bà N không có tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh ông L, bà H còn thiếu bà N 20 chỉ vàng 24 kra vàng 9,8 tuổi.

[2] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị N là có căn cứ nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà N, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện TH.

[3] Đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà N, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Do giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm nên bà N phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên do bà N là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn tiền án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị N.
2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 10/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng tỉnh Đồng Tháp.
3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N về việc yêu cầu bà Võ Thị H và ông Lê Văn L trả 20 chỉ vàng 24 kara, vàng 9,8 tuổi.
4. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N về việc yêu cầu ông Lê Văn L và bà Võ Thị H trả cho bà 171.000.000 đồng tiền lãi.
5. Án phí dân sự sơ thẩm:
 - 5.1. Bà Lê Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do bà N người cao tuổi. Hoàn trả cho bà Lê Thị N 1.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 03765 ngày 09-11-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TH.
 - 5.2. Bà Võ Thị H và ông Lê Văn L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.
6. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị N được miễn 100% án phí dân sự phúc thẩm do bà N là người cao tuổi theo quy định của pháp luật.
7. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.
7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND Tỉnh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND huyện TH;
- Chi cục THADS huyện TH;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Tr).

Đã ký

Lê Hồng Nước